

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Môn học : [22804801] - Robot công nghiệp
(Điện) (CCQ2115AB)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121150007	Vũ Hoài Bảo Ân	24/07/2003	CCQ2115A		7,7	7,0	7,3
2	2121150059	Bùi Ngọc Bảo	8/7/2003	CCQ2115B				
3	2121150032	Lê Văn Cường	28/09/2003	CCQ2115A		7,5	7,3	7,4
4	2121150046	Nguyễn Công Đức	25/01/2003	CCQ2115B				
5	2121150008	Nguyễn Văn Hòa	20/10/2003	CCQ2115A		8,2	7,0	7,5
6	2121150001	Mạc Duy Hoàng	28/07/2003	CCQ2115A		7,9	7,0	7,3
7	2121150009	Đào Duy Huy	28/03/2003	CCQ2115A		8,8	9,3	9,1
8	2121150011	Hoàng Đức Huy	9/5/2003	CCQ2115A		7,5	7,0	7,2
9	2121150052	Lưu Đức Khang	10/6/2003	CCQ2115B		7,1	6,5	6,7
10	2120150015	Lê Quốc Khánh	9/9/2002	CCQ2015A		8,4	8,3	8,3
11	2121060006	Hứa Thanh Long	30/05/2000	CCQ2106A		7,1	8,8	8,1
12	2121150048	Phan Thành Nhân	18/10/2003	CCQ2115B		7,7	7,8	7,7
13	2121150022	Nguyễn Thành Phong	19/11/2003	CCQ2115A		7,5	7,0	7,2
14	2121150037	Đào Minh Phước	29/06/2002	CCQ2115B		7,6	7,0	7,2
15	2121150020	Đặng Minh Phương	15/11/2003	CCQ2115A		8,3	7,5	7,8
16	2121150047	Đào Duy Thái	24/11/2003	CCQ2115B		8,4	7,3	7,7
17	2121150045	Võ Quốc Thắng	30/11/2003	CCQ2115B		7,8	7,5	7,6
18	2121150042	Đỗ Thành Thi	17/07/2002	CCQ2115B		7,9	7,5	7,7
19	2121150021	Nguyễn Kim Tiến	15/09/2003	CCQ2115A		5,9	6,5	6,3
20	2117150066	Lê Trung Tính	16/05/1999	CCQ1715A		6,2	6,3	6,2
21	2121150041	Nguyễn Hữu Tồn	14/12/2003	CCQ2115B		6,9	7,3	7,1
22	2121150028	Phùng Ninh Anh Trí	2/11/2003	CCQ2115A		7,7	6,0	6,7
23	2121150064	Nguyễn Đình Tú	9/9/2002	CCQ2115B		6,2	6,0	6,1
24	2121150010	Nguyễn Quốc Văn	1/12/2003	CCQ2115A		8,3	7,0	7,5